

Quan niệm của các thế hệ về giá trị gia đình thể hiện trong mối quan hệ vợ - chồng hiện nay

Mai Văn Hải *, Vũ Quỳnh Châu **, Lê Thị Thu Hiền ***

Nhận ngày 11 tháng 4 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 8 năm 2024.

Tóm tắt: Quan niệm về giá trị gia đình là sự nhìn nhận, đánh giá về các giá trị gia đình. Bài viết¹ này làm rõ quan niệm về giá trị gia đình trong mối quan hệ vợ - chồng ở ba thế hệ (trẻ, trung niên và già). Điều tra bằng bảng câu hỏi trên 200 khách thể cho thấy, giữa 3 thế hệ có nhiều điểm tương đồng trong quan niệm về các giá trị truyền thống, như: sự chung thủy, hòa thuận. Bên cạnh đó, quan niệm về sự độc lập của vợ chồng trong kinh tế, kết hôn muộn, sinh ít con cũng ít nhiều được khẳng định. Điều đó phản ánh sự tiếp nối và biến đổi của các giá trị trong cuộc sống. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để mỗi thành viên trong gia đình thấu hiểu, chấp nhận sự thống nhất và đa dạng trong quan niệm sống của mỗi người. Bên cạnh đó, công tác tham vấn, lập chính sách về gia đình cũng cần nhìn nhận các quan niệm khác nhau một cách khách quan, tất yếu nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

Từ khóa: Quan niệm, giá trị gia đình, quan niệm về giá trị gia đình, mối quan hệ vợ chồng, khác biệt thế hệ

Phân loại ngành: Tâm lý học

Abstract: Notion of family values is the recognition and evaluation of family values. This article clarifies the notion of family values expressed in husband-wife relationships in three generations (young, middle-aged and old). Questionnaire survey on 200 participants showed that there are many similarities between three generations in the notions of traditional values such as marital fidelity and harmony. In addition, the notion of financial independence within marriage, late marriage, and having few children is affirmed to some extent. Those reflect the continuity and change of values in life. These results are an important basis for each family member to understand and accept the unity and diversity of each person's notion. In addition, consultation and policy making on families also need to recognize different notions in an objective and inevitable way to build a happy and sustainable family.

Keywords: Notion, family values, notion of family values, husband-wife relationships, generation gap.

Subject classification: Psychology

1. Đặt vấn đề

Gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù, đặc trưng bởi sự gắn bó ruột thịt, thiêng liêng của các thành viên mà không một nhóm xã hội nào có được. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của xã hội, gia đình và các giá trị gia đình cũng có những thay đổi nhanh chóng. Ví dụ, ở Việt Nam, Nguyễn và cộng sự (2016) trong khi tìm hiểu về quan hệ tình dục ngoài hôn nhân ở nam giới đã cho thấy những người được hỏi dường như chấp nhận điều này; Zhou và cộng sự (2017) đã nghiên cứu những người bà về bản thân họ, con và cháu

*, **, *** Viện Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: maivanhaipsy@gmail.com

¹ Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ năm 2023 - 2024 "Quan niệm của các thế hệ người Việt Nam về giá trị gia đình hiện nay" do Viện Tâm lý học chủ trì, TS. Mai Văn Hải làm chủ nhiệm.

về các giá trị như: sự tự chủ, tò mò, thể hiện bản thân, vâng lời và nhút nhát. Kết quả cho thấy, những người được hỏi đã nhận thức được sự tăng lên của các đặc điểm: tự chủ, tò mò và tự thể hiện qua ba thế hệ; trong khi đó, sự vâng lời và nhút nhát giảm dần đi. Cùng hướng nghiên cứu này nhưng trên giá trị vâng lời, Lê Văn Hảo và cộng sự (2016) đã nhận thấy cả thanh niên và người cao tuổi đều đánh giá cao sự tôn trọng dành cho người già nhưng sự vâng lời thì giảm đi ở nhóm thanh niên. Yablonska và cộng sự (2020) trong khi nghiên cứu về giá trị gia đình của thanh niên Ukraina đã khẳng định, xu hướng kết hôn muộn, ít con, tăng tỷ lệ li hôn... Từ đó, có thể thấy, giá trị gia đình và quan niệm của mỗi thế hệ với các giá trị cụ thể đang có những thay đổi nhanh chóng và cần có những nghiên cứu làm rõ nhằm hướng đến các mối quan hệ gia đình được hài hòa, hạnh phúc hơn.

Theo *Từ điển Tâm lý học* của Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ (APA), giá trị là nguyên tắc về đạo đức, xã hội hay thẩm mỹ, được cá nhân hay xã hội chấp nhận điều gì là tốt, đáng mong muốn và quan trọng (APA, 2015: 1129). Như vậy, giá trị là điều quan trọng, thiêng liêng, có ý nghĩa đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của con người, xã hội. Giá trị luôn mang tính lựa chọn, đánh giá, tức bao hàm sự chủ quan trong nhìn nhận. Một điều/sự vật là giá trị với người này nhưng có thể là không có giá trị với người khác. Gia đình là một nhóm xã hội đặc biệt, ở đó các thành viên gắn bó với nhau bằng quan hệ huyết thống hoặc con nuôi. Có thể nói, gia đình luôn là nơi con người có sự gắn bó đặc biệt, tình yêu thương vô điều kiện. Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định, gia đình là một trong những giá trị quan trọng nhất đối với con người (Phạm Minh Hạc, 2010; Mai Văn Hải, 2017). Giá trị gia đình là những điều có ý nghĩa, có ích, quan trọng mà gia đình mang lại cho các thành viên trong gia đình. Hệ giá trị gia đình là các giá trị gia đình được sắp xếp thành một thể thống nhất, gắn bó hữu cơ với nhau. Hệ giá trị gia đình thể hiện trong nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống gia đình như các mối quan hệ, các chức năng của gia đình. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung làm rõ giá trị gia đình trong mối quan hệ vợ chồng như vị trí, vai trò của vợ chồng, sự chia sẻ nhau về tài sản, tình nghĩa, chung thủy, ứng xử hòa thuận,... (Phạm Việt Long, 2004). Từ việc xác định những giá trị đó, có thể thấy rằng đây là những giá trị tồn tại khách quan. Dù con người nói chung, các thành viên trong gia đình nói riêng có ý thức được hay không thì giá trị đó vẫn tồn tại. Nói cách khác, nghiên cứu này tiếp cận giá trị gia đình như những điều tồn tại khách quan và mỗi chủ thể có thể có quan niệm khác nhau về các giá trị gia đình. Quan niệm về giá trị gia đình là sự nhìn nhận, đánh giá của con người với các giá trị gia đình. Từ cách hiểu đó, bài viết tập trung làm rõ quan niệm của ba thế hệ về các giá trị trong mối quan hệ vợ chồng hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ quan niệm của các thế hệ về giá trị gia đình được thể hiện trong mối quan hệ vợ - chồng, các tác giả tiến hành điều tra bằng bảng câu hỏi với 200 khách thể tại Thanh Hóa. Sự cân bằng về tỷ lệ giới tính, độ tuổi và nơi sinh sống được cân nhắc và lựa chọn kỹ trong quá trình khảo sát số liệu. Thanh Hóa là địa bàn có cả vùng biển, trung du và miền núi nên có những đặc thù về kinh tế - xã hội; thêm vào đó, về mặt văn hóa, Thanh Hóa có sự tiếp xúc với cả vùng văn hóa Bắc Bộ và vùng văn hóa Nghệ Tĩnh - Huế nên có những nét bản sắc riêng (Trần Thị An, 2016). Mẫu khảo sát được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 1. Một số đặc điểm mẫu khảo sát

	Đặc điểm mẫu	N	%
Giới tính	Nam	88	44,0
	Nữ	112	56,0

Độ tuổi	Trẻ (≤ 39 tuổi)	66	33,0
	Trung niên (40-60 tuổi)	68	34,0
	Cao tuổi (> 60 tuổi)	66	33,0
Nơi sống	Nông thôn	102	51,0
	Thành phố	98	49,0

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong quá trình xem xét các nghiên cứu liên quan, chúng tôi nhận thấy không có các thang đo quan niệm về giá trị gia đình phù hợp với mục đích của nghiên cứu này. Vì vậy, nghiên cứu thiết kế bảng câu hỏi để khảo sát quan niệm của các thế hệ về giá trị trong quan hệ vợ chồng. Bảng câu hỏi được thiết kế theo nguyên tắc các giá trị trong mỗi quan hệ vợ chồng (với tư cách là các giá trị khách quan) được xác định trước, từ đó, sẽ có các quan niệm khác nhau về các giá trị này. Thông qua các nghiên cứu về văn hóa gia đình Việt Nam của các tác giả, như: Đào Duy Anh (1938); Phan Kế Bình (1915), Phạm Việt Long (2004), các giá trị trong mối quan hệ vợ - chồng được xác định là: vị trí, vai trò; tài sản chung, của chồng công vợ; tình nghĩa; thủy chung; ứng xử hòa thuận, nhường nhịn; kết hôn, sinh con; vai trò của vợ - chồng trong gia đình. Các quan niệm cụ thể về các giá trị này được thể hiện trong bảng số liệu bên dưới. Ví dụ, với giá trị chung thủy, có thể có các quan niệm như: "Chung thủy là yếu tố quan trọng nhất trong mỗi quan hệ vợ chồng", "Chung thủy ngày này không còn phổ biến, không còn phù hợp", "Nam giới không chung thủy dễ dàng được chấp nhận hơn nữ giới"... Mỗi item đưa ra có 5 mức độ lựa chọn từ "Rất không đúng" (1) đến "Rất đúng" (5). Thao tác One way ANOVA trong SPSS được sử dụng để so sánh quan niệm về giá trị gia đình của ba nhóm tuổi. Các item có hệ số Sig < 0,05 trong kiểm định này khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa ba nhóm.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Quan niệm của các thế hệ về các giá trị gia đình trong mối quan hệ vợ - chồng

Bảng 2. Quan niệm về các giá trị gia đình trong mối quan hệ vợ - chồng

Nội dung quan niệm		Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Quan niệm về vị trí, vai trò	Chồng là người đứng đầu gia đình	198	4,10	0,99
	Vị trí của người vợ là ở nhà	198	2,67	1,42
	Khi gia đình có xung đột, tranh cãi, người vợ nên là trung gian hòa giải	198	3,90	1,12
	Chồng kiếm tiền nuôi gia đình	198	3,44	1,23
	Vợ phải nghe theo quyết định của chồng	198	3,20	1,19
Quan niệm về tài sản của vợ chồng	Kinh tế, các khoản tiết kiệm trong gia đình là của chung, "của chồng công vợ"	200	4,43	0,98
	Vợ chồng có trách nhiệm đóng góp vào các khoản chung để chi tiêu cho gia đình, nhưng mỗi người có thể có tài sản riêng	200	3,72	1,16
	Vợ chồng độc lập về kinh tế, mỗi người có tài khoản riêng	200	2,80	1,19
Quan niệm về nghĩa vợ chồng	Vợ chồng sống với nhau không chỉ bằng "tình" mà còn bằng "nghĩa"	200	4,44	1,00
	Nghĩa vợ chồng là quan niệm cũ, nếu không hợp có thể ly hôn	200	3,29	1,25
	Vợ chồng là duyên số, phải chấp nhận nhau	200	3,23	1,33

Quan niệm về chung thủy vợ chồng	Chung thủy là yếu tố quan trọng nhất trong mỗi quan hệ vợ chồng	200	4,64	0,73
	Chung thủy ngày nay không còn phổ biến, không còn phù hợp	200	2,75	1,38
	Nhiều người chấp nhận hoặc có quan hệ "ngoài luồng", ngoại tình	200	2,20	1,26
	Nam giới không chung thủy dễ dàng được chấp nhận hơn nữ giới	200	2,83	1,40
	Chung thủy với vợ/chồng còn tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và không quá khắt khe	200	3,07	1,36
Quan niệm về hòa thuận, ứng xử vợ chồng	Vợ chồng hòa thuận tạo nên sức mạnh, "thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn"	200	4,73	0,66
	Vợ chồng có thể có khác biệt, không nhất thiết phải hòa thuận giả tạo	200	3,55	1,32
	Cuộc sống vợ chồng có thể độc lập, mỗi người tự chủ và lo cho bản thân	200	3,22	1,26
	Vợ chồng phải ứng xử khéo léo, linh hoạt, nhường nhịn nhau	200	4,43	0,87
	Vợ chồng bình đẳng, mỗi người có công việc, thu nhập riêng	200	4,13	1,00
	Không chấp nhận sự chịu đựng, bạo lực gia đình	200	4,06	1,39
	Vợ chồng phải dựa vào nhau để sống, cùng chung số mệnh, cùng xây đắp gia đình	200	4,64	0,74
Quan niệm về kết hôn	Phải lập gia đình để che chở, hỗ trợ nhau, sinh con đẻ cái	200	4,26	1,05
	Lập gia đình khiến con người mất tự do, mất thời gian chăm sóc bản thân	200	2,59	1,30
	Có thể làm mẹ đơn thân, có con nhưng không lập gia đình	200	2,96	1,07
	Có thể kết hôn muộn và sinh ít con	200	3,50	1,11

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 2 cho thấy, quan niệm của các khách thể nghiên cứu về các giá trị trong mối quan hệ vợ chồng thiên về khẳng định các giá trị gia đình truyền thống. Điều đó thể hiện ở việc ở mỗi nhóm quan niệm, các quan niệm khẳng định vị trí đứng đầu của người chồng và sự linh hoạt, hòa giải của người vợ trong gia đình, sự chung thủy, tình nghĩa vợ chồng, của chồng công vợ, thuận vợ thuận chồng... luôn có điểm trung bình (ĐTB) cao nhất trong từng nhóm nội dung quan niệm. Gia đình với tư cách là thiết chế xã hội bền vững bậc nhất, nơi con người gắn bó với nhau một cách tự nhiên và thiêng liêng, chính vì vậy, các quan niệm phản ánh các giá trị bền vững và thiết yếu trong gia đình như thủy chung, hòa thuận luôn rất rõ ràng. Chỉ có như vậy mới đảm bảo sự bền vững và tồn tại của gia đình. Xem xét những item có ĐTB cao nhất trong toàn bảng số liệu cũng như trong từng nhóm, có thể thấy những item có ĐTB cao nhất như thuận vợ thuận chồng (4,73), chung thủy là yếu tố quan trọng nhất trong mỗi quan hệ vợ chồng (4,64), vợ chồng phải dựa vào nhau (4,64). Như vậy, có thể thấy, quan niệm của những người được hỏi đã thiên về sự hòa thuận, dựa vào nhau nhiều hơn là nhấn mạnh đến các yếu tố thu nhập, tài sản, tình nghĩa. Điều đó cũng phản ánh trong quan niệm của những người được hỏi sự đồng thuận, hỗ trợ nhau là quan trọng bậc nhất.

Bên cạnh những quan niệm rất rõ ràng với ĐTB gần như ở mức 5 trong thang đo 5 mức độ đã được nói ở trên, có thể thấy trong mỗi nhóm quan niệm, luôn có những item thể hiện cách nhìn nhận tương đối "phi truyền thống" trong mỗi quan hệ vợ chồng. Các quan niệm này có ĐTB nằm trong khoảng mức 3 và 4 trong thang đo 5 mức độ. Đối với nhóm quan niệm về vị trí, vai trò của vợ chồng, có thể thấy item "vị trí của người vợ là ở nhà" hay "vợ phải nghe theo quyết định của chồng" có kết quả rất thấp. Nói cách khác, sự bình đẳng, vị trí của người vợ đã được khẳng định rõ nét. Từ việc quan niệm về vị trí về vai trò như vậy, sẽ kéo theo quan niệm về sở hữu tài sản, sự thủy chung, ứng xử khác trong quan hệ vợ - chồng. Đối với nhóm quan niệm về tài sản của vợ chồng, quan niệm "Vợ chồng có trách nhiệm đóng góp vào các khoản chung để chi tiêu cho gia đình, nhưng mỗi người có thể có tài sản riêng", ĐTB 3,72. Đây là mức ĐTB khá cao. Trong thực tế, với việc cả người vợ người chồng đều đi làm và có sổ tài khoản, lương riêng thì quan niệm này không phải là không phổ biến. Mặt khác, với đặc thù công việc có tính chuyên môn hóa cao như hiện nay, các cặp vợ chồng không còn làm việc cùng nhau theo kiểu "chồng cày vợ cấy" nên mỗi người cần phải có tài khoản riêng để xử lý các khoản thu chi trước mắt là có thể chấp nhận được. Kết quả này rõ ràng là gợi ý quan trọng để xử lý các mối quan hệ vợ chồng liên quan đến thu chi và thu nhập chung trong gia đình được hợp lý. Tương tự như nội dung trên, ở các nhóm quan niệm còn lại, có thể thấy những cách nhìn tương đối dân chủ và ít có tính ràng buộc, cam chịu trong quan hệ vợ chồng. Ví dụ như: nghĩa vợ chồng là quan niệm cũ, nếu không hợp có thể ly hôn: 3,29; Chung thủy với vợ/chồng còn tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và không quá khắt khe: 3,07; Cuộc sống vợ chồng có thể độc lập, mỗi người tự chủ và lo cho bản thân: 3,22; Có thể kết hôn muộn và sinh ít con: 3,5; Có thể làm mẹ đơn thân, có con nhưng không lập gia đình: 2,96... Có thể nói những quan niệm trên tuy không phổ biến nhưng ĐTB cũng không phải ở mức thấp. Điều đó phản ánh nhìn nhận của các khách thể nghiên cứu về mối quan hệ vợ chồng bên cạnh sự khẳng định mạnh mẽ giá trị gia đình truyền thống, mang tính bền vững thì cũng sẵn sàng chấp nhận những khuynh hướng, lối sống độc lập, tự chủ hơn. Kết quả khảo sát của nghiên cứu này (như: ít lập gia đình, gia tăng việc sống chung và sinh con mà không qua hôn nhân, gia tăng gia đình độc thân, giảm tỷ lệ sinh, quy mô gia đình nhỏ) tương đối giống những thay đổi mà nghiên cứu của Kiernan (2004) đã chỉ ra. Những điểm chung trong quan niệm và xu hướng biến đổi này phản ánh ảnh hưởng của cuộc sống hiện đại đến quan niệm về các giá trị gia đình hiện nay.

Bảng 3. Quan niệm về các giá trị gia đình - So sánh theo 3 nhóm tuổi

Nhóm nội dung	Quan niệm cụ thể	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	p	
Quan niệm về vị trí, vai trò	Chồng là người đứng đầu gia đình	Trẻ	66	3,61	1,06	0,01
		Trung niên	62	4,31	0,82	
		Già	70	4,37	0,91	
	Vị trí của người vợ là ở nhà	Trẻ	66	2,20	1,28	0,01
		Trung niên	62	2,85	1,46	
		Già	70	2,96	1,42	
	Khi gia đình có xung đột, tranh cãi, người vợ nên là trung gian hòa giải	Trẻ	66	3,35	1,31	0,01
		Trung niên	62	4,16	0,87	
		Già	70	4,19	0,95	
	Chồng kiếm tiền nuôi gia đình	Trẻ	66	3,11	1,22	0,01
		Trung niên	62	3,82	1,11	
		Già	70	3,43	1,25	

Tài sản của vợ chồng	Vợ phải nghe theo quyết định của chồng	Trẻ	66	2,94	1,25	0,08
		Trung niên	62	3,26	1,17	
		Già	70	3,39	1,13	
	Kinh tế, các khoản tiết kiệm trong gia đình là của chung, "của chồng công vợ"	Trẻ	66	3,88	1,13	0,01
		Trung niên	68	4,57	0,73	
		Già	66	4,53	0,89	
	Vợ chồng có trách nhiệm đóng góp vào các khoản chung để chi tiêu cho gia đình, nhưng mỗi người có thể có tài sản riêng	Trẻ	66	3,83	1,07	0,24
		Trung niên	68	3,53	1,21	
		Già	66	3,80	1,18	
Vợ chồng độc lập về kinh tế, mỗi người có tài khoản riêng	Trẻ	66	3,06	1,21	0,06	
	Trung niên	68	2,74	1,21		
	Già	66	2,59	1,12		
Nghĩa vợ chồng	Vợ chồng sống với nhau không chỉ bằng "tình" mà con bằng "nghĩa"	Trẻ	66	4,30	1,09	0,42
		Trung niên	68	4,49	1,01	
		Già	66	4,52	0,89	
	Nghĩa vợ chồng là quan niệm cũ, nếu không hợp có thể ly hôn	Trẻ	66	3,29	1,17	0,95
		Trung niên	68	3,32	1,34	
		Già	66	3,26	1,26	
	Vợ chồng là duyên số, phải chấp nhận nhau	Trẻ	66	3,18	1,27	0,60
		Trung niên	68	3,15	1,34	
		Già	66	3,36	1,39	
Chung thủy vợ chồng	Chung thủy là yếu tố quan trọng nhất trong mối quan hệ vợ chồng	Trẻ	66	4,52	0,76	0,23
		Trung niên	68	4,71	0,71	
		Già	66	4,70	0,70	
	Chung thủy ngày này không còn phổ biến, không còn phù hợp	Trẻ	66	2,47	1,47	0,11
		Trung niên	68	2,96	1,37	
		Già	66	2,80	1,26	
	Nhiều người chấp nhận hoặc có quan hệ "ngoài luồng", ngoại tình	Trẻ	66	2,06	1,32	0,40
		Trung niên	68	2,35	1,21	
		Già	66	2,20	1,24	
Nam giới không chung thủy dễ dàng được chấp nhận hơn nữ giới	Trẻ	66	2,47	1,47	0,03	
	Trung niên	68	3,04	1,44		
	Già	66	2,97	1,25		
Chung thủy với vợ/chồng còn tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và không quá khắt khe	Trẻ	66	2,74	1,33	0,04	
	Trung niên	68	3,16	1,45		
	Già	66	3,30	1,25		
Hòa thuận, ứng xử vợ chồng	Vợ chồng hòa thuận tạo nên sức mạnh, "thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn"	Trẻ	66	4,52	0,86	0,01
		Trung niên	68	4,84	0,44	
		Già	66	4,85	0,56	
	Vợ chồng có thể có khác biệt, không nhất thiết phải hòa thuận giả tạo	Trẻ	66	3,73	1,28	0,34
		Trung niên	68	3,51	1,32	
		Già	66	3,39	1,35	
	Cuộc sống vợ chồng có thể độc lập, mỗi người tự chủ và lo cho bản thân	Trẻ	66	3,27	1,17	0,19
		Trung niên	68	3,38	1,25	
		Già	66	3,00	1,33	

Kết hôn	Vợ chồng phải ứng xử khéo léo, linh hoạt, nhường nhịn nhau	Trẻ	66	4,30	0,92	0,24
		Trung niên	68	4,43	0,86	
		Cao tuổi	66	4,56	0,82	
	Vợ chồng bình đẳng, mỗi người có công việc, thu nhập riêng	Trẻ	66	4,03	0,97	0,64
		Trung niên	68	4,16	1,01	
		Già	66	4,18	1,02	
	Không chấp nhận sự chịu đựng, bạo lực gia đình	Trẻ	66	4,14	1,36	0,68
		Trung niên	68	4,10	1,38	
		Già	66	3,94	1,45	
	Vợ chồng phải dựa vào nhau để sống, cùng chung số mệnh, cùng xây đắp gia đình	Trẻ	66	4,36	0,90	0,01
		Trung niên	68	4,79	0,58	
		Già	66	4,76	0,63	
	Phải lập gia đình để che chở, hỗ trợ nhau, sinh con để cái	Trẻ	66	3,86	1,16	0,01
		Trung niên	68	4,35	0,98	
		Già	66	4,55	0,88	
	Lập gia đình khiến con người mất tự do, mất thời gian chăm sóc bản thân	Trẻ	66	2,64	1,26	0,92
		Trung niên	68	2,56	1,37	
		Già	66	2,56	1,29	
	Có thể làm mẹ đơn thân, có con nhưng không lập gia đình	Trẻ	66	3,11	1,06	0,36
		Trung niên	68	2,91	1,03	
		Già	66	2,85	1,12	
	Có thể kết hôn muộn và sinh ít con	Trẻ	66	3,67	1,02	0,20
		Trung niên	68	3,32	1,15	
		Già	66	3,50	1,15	

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 3 cho thấy, giữa ba nhóm tuổi không có nhiều sự khác biệt trong quan niệm về các giá trị vợ chồng. Điều đó thể hiện ở việc 10/27 item có hệ số tương quan $p < 0,05$, khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Như vậy, các giá trị gia đình thể hiện trong mối quan hệ vợ chồng không có quá nhiều sự khác biệt giữa các nhóm tuổi. Trong quá trình xem xét các kết quả nghiên cứu liên quan đến giá trị gia đình giữa các nhóm, có thể thấy có khá nhiều nghiên cứu khẳng định không có nhiều sự khác biệt. Ví dụ: Mai Văn Hải (2022) trong khi nghiên cứu giá trị gia đình giữa 2 nhóm nhập cư và không nhập cư sống tại Việt Nam và Ba Lan đã khẳng định về cơ bản, hai nhóm không có nhiều sự khác biệt, đặc biệt là các giá trị cốt lõi nhất của gia đình như hiếu thảo, chung thủy. Các nghiên cứu của Liu và cộng sự (2000) với khách thể Trung Quốc, Kobayashi (2010) với khách thể Nhật Bản về hiếu thảo giữa nhóm trẻ và cao tuổi, cha mẹ và con cũng cho kết quả tương tự. Có thể nói, với tư cách là một giá trị văn hóa, các giá trị gia đình luôn có tính ổn định và sự phát triển của xã hội tác động tới sự phát triển của các giá trị văn hóa gia đình này cũng cần phải có sự phát triển lâu dài. Mặt khác, các nước như Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản vốn là những quốc gia Á Đông, vốn đề cao các giá trị tập thể, sự thống nhất của nhóm (Hofstede, 2015). Chính vì vậy, sự tương đồng giữa các thế hệ, các nhóm xã hội là điều có thể thấy khá rõ.

Đối với nhóm các quan niệm về vai trò, vị trí của người vợ và chồng trong gia đình, đây là nhóm nội dung có nhiều item có sự khác biệt có ý nghĩa giữa 3 nhóm nhất (4/5 item có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê). Điều đó nói lên các quan niệm về việc người chồng phải là đứng đầu gia đình, trụ cột, kiếm tiền, trong khi người vợ có vai trò phụ thuộc dường như

đang rất khác nhau giữa các nhóm tuổi. Ở phần trước ta đã thấy được các quan niệm này có kết quả không cao, phản ánh sự thay đổi trong quan niệm về vị trí của vợ chồng trong cuộc sống hiện đại. Ở nội dung này, ta tiếp tục thấy được nhóm trẻ có điểm số thấp nhất ở các item nói lên người chồng là trụ cột, kiếm tiền, người vợ chỉ làm việc ở nhà; ĐTB của nhóm người cao tuổi thường là cao nhất. Như vậy, ta thấy được nhóm trẻ được khảo sát trong đề tài này có quan niệm rõ ràng ở sự bình đẳng về vai trò của vợ chồng trong gia đình. Từ quan niệm này, ta tiếp tục xem xét các quan niệm về kinh tế, ứng xử vợ chồng.

Ở nhóm các giá trị liên quan đến tài sản gia đình, item "Kinh tế, các khoản tiết kiệm trong gia đình là của chung, "của chồng công vợ" có hệ số tương quan có sự khác biệt giữa các nhóm. Theo đó, điểm trung bình của 3 nhóm trẻ - trung niên - già lần lượt là: 3,88 - 4,57 - 4,53. Như vậy, xét về ĐTB, có thể thấy có sự phân hóa lớn giữa hai nhóm. Nhóm trẻ tuổi dường như độc lập hơn trong quan niệm về kinh tế, tài khoản gia đình so với nhóm trung niên và người cao tuổi. Đối với các nhóm trẻ tuổi, đặc thù công việc, thu nhập khác với các nhóm người cao tuổi nên họ dường như có quan niệm riêng tư, độc lập hơn về mặt kinh tế trong mối quan hệ vợ chồng.

Ở nhóm quan niệm về giá trị chung thủy, có thể thấy hai item có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê là "Nam giới không chung thủy dễ dàng được chấp nhận hơn nữ giới" và "Chung thủy với vợ/chồng còn tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và không quá khắt khe". ĐTB giữa ba nhóm vẫn tiếp tục cho thấy xu hướng tăng lên cùng độ tuổi. Nói cách khác, dường như nhóm trung niên và người cao tuổi thể hiện quan niệm về sự chung thủy vợ chồng thoải mái hơn, ít khắt khe hơn nhóm trẻ tuổi. Điều này có thể liên quan đến việc cùng với thời gian và trải nghiệm cuộc sống, đánh giá và nhìn nhận của nhóm cao tuổi dường như ít tính cực đoan hơn. Cũng liên quan đến chủ đề này, Nguyễn và cộng sự (2016) đã khảo sát trên 126 nam giới Việt Nam (độ tuổi trung bình 45,56) tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hà Tây và Cần Thơ về tình dục ngoài hôn nhân. Kết quả cho thấy có 54 người (tương đương 43%) cho biết họ từng quan hệ tình dục với người không phải là vợ mình. Trong số 54 khách thể đưa ra câu trả lời khẳng định, có 14 người (26%) cho biết họ từng quan hệ ngoài luồng trong vòng 6 tháng gần nhất. Mai Văn Hải (2017) trong khi nghiên cứu so sánh về giá trị chung thủy của người Việt Nam tại Việt Nam và Ba Lan cũng chỉ ra nhóm sống tại Ba Lan dường như cởi mở hơn trong vấn đề sống chung với người khác để hỗ trợ nhau trong công việc vốn rất vất vả khi làm ăn ở nước ngoài cũng như chia sẻ với nhau trong cuộc sống trong điều kiện môi trường nhập cư có nhiều khác biệt, cô lập về văn hóa.

Ở nhóm giá trị về hòa thuận, ứng xử vợ chồng, có thể thấy hai quan niệm "Vợ chồng hòa thuận tạo nên sức mạnh, "thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn"" và "Vợ chồng phải dựa vào nhau để sống, cùng chung số mệnh, cùng xây đắp gia đình" có sự khác biệt có ý nghĩa giữa 3 nhóm. ĐTB lần lượt giữa 3 nhóm tuổi là: 4,52 - 4,84 - 4,85 và 4,36 - 4,79 - 4,76. Có thể thấy, đây là hai quan niệm và cách nhìn truyền thống trong mối quan hệ vợ chồng, chính vì vậy, nhóm người cao tuổi dường như có xu hướng khẳng định mạnh mẽ hơn nhóm tuổi trẻ. Điều đó còn được thể hiện ở những quan niệm mang tính mới mẻ tự do hơn trong nhóm nội dung về quan hệ, ứng xử vợ chồng nhóm trẻ tuổi đều có ĐTB cao hơn. Dù hệ số tương quan của các item này không có ý nghĩa thống kê nhưng việc xem xét các kết quả này ít nhiều có giá trị để hiểu hơn những item có hệ số tương quan $p < 0.05$ mà ta xem xét ở trên.

Ở nhóm giá trị liên quan đến kết hôn, item duy nhất có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê là "Phải lập gia đình để che chở, hỗ trợ nhau, sinh con đẻ cái". ĐTB của nhóm trẻ tuổi thấp hơn hẳn nhóm trung niên và cao tuổi (3,86 - 4,35 - 4,55). Xu hướng lập gia đình muộn, không lập gia đình hoặc sinh ít con, không sinh con đã xuất hiện nhiều ở các nước châu Âu. Nghiên cứu này cũng đã cho thấy ít nhiều những kết quả tương tự khi nhóm trẻ tuổi có ĐTB

về việc lập gia đình, sinh con cái thấp hơn hẳn nhóm trung niên và người già. Ngược lại, họ có ĐTB cao hơn hẳn ở những nội dung có thể lập gia đình muộn, sinh ít con, có thể làm mẹ đơn thân, lập gia đình khiến con người mất tự do.

Như vậy, xem xét quan niệm của 3 thế hệ về các giá trị trong mối quan hệ vợ chồng, có thể thấy dù có những điểm chung trong quan niệm về các giá trị truyền thống, cơ bản của gia đình; bên cạnh đó, giữa các nhóm vẫn ít nhiều có những khác biệt. Trong đó, sự khác biệt rõ nhất liên quan đến quan niệm về vai trò trong gia đình của vợ - chồng: người trẻ tuổi có cái nhìn rõ ràng về sự bình đẳng trong vị trí, vai trò, sự đóng góp, cũng như sự độc lập của vợ chồng. Ảnh hưởng của bối cảnh văn hóa, xu hướng xã hội, kinh nghiệm sống cá nhân là những cơ sở quan trọng để hiểu sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về các giá trị sống này.

4. Kết luận

Thông qua một số kết quả nghiên cứu trên, có thể thấy quan niệm của ba nhóm về các giá trị gia đình có những điểm chung đáng kể như khẳng định rõ nét các giá trị truyền thống, bền vững trong mối quan hệ vợ - chồng. Bên cạnh đó, dù mức lựa chọn không đến mức phổ biến nhưng cũng phản ánh sự thay đổi trong quan niệm sống đương đại như tài sản, thu nhập của vợ chồng có thể có khoản riêng, sự chung thủy còn phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, vợ chồng có sự độc lập riêng, kết hôn muộn và sinh ít con... Sự thay đổi lớn nhất ở ba nhóm thể hiện trong quan niệm về vị trí, vai trò của vợ - chồng trong gia đình. Những kết quả đó khẳng định sự tiếp nối và biến đổi không ngừng trong quan niệm và giá trị sống của mỗi người. So sánh với các nghiên cứu trong và ngoài nước khác, ta cũng thấy được những kết quả tương tự giữa các chiều cạnh giá trị của cuộc sống.

Các giá trị trong mối quan hệ vợ chồng nói riêng và giá trị gia đình nói chung luôn là những giá trị văn hóa gia đình bền vững. Chính vì vậy, nó luôn có tính ổn định, tiếp nối giữa các thế hệ. Bên cạnh đó, thông qua so sánh giữa các thế hệ, có thể thấy quan niệm của ba thế hệ về các giá trị này ít nhiều có điểm khác biệt gắn với đặc thù về tuổi tác, trải nghiệm cuộc sống cũng như đặc thù lối sống và quan niệm hiện đại. Các kết quả nghiên cứu cho thấy bức tranh đa chiều về giá trị gia đình giữa nhóm thế hệ hiện nay. Một mặt gia đình và giá trị gia đình trong mối quan hệ vợ - chồng vẫn luôn được đề cao; khẳng định sự bền vững của gia đình. Mặt khác, sự tiếp nối và thay đổi của các giá trị gia đình cho thấy sự phát triển của thiết chế này trong cuộc sống hiện đại. Từ các kết quả này, nhóm tác giả đề nêu ra một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, gia đình nói chung và mối quan hệ vợ - chồng nói riêng luôn có tính bền vững, là một trong những thiết chế quan trọng và gần gũi nhất với con người. Chính vì vậy, các quan niệm về các giá trị này cũng có sự thống nhất rõ nét. Bên cạnh đó, sự phát triển và thay đổi của cuộc sống, phản ánh trong các quan niệm khác nhau giữa các thế hệ là điều tất yếu. Chính vì vậy, mỗi thế hệ, thành viên gia đình cần có cái nhìn bao dung, chấp nhận sự khác biệt nhằm xây đắp một gia đình hạnh phúc.

Thứ hai, trong cuộc sống hiện đại, sự bình đẳng về vị trí, vai trò, sự gánh vác trách nhiệm chung về thu chi trong gia đình giữa vợ và chồng là rất rõ nét. Chính vì vậy, giữa vợ chồng cần có sự thông cảm, thấu hiểu và chia sẻ với nhau các gánh nặng trong cuộc sống; luôn xác định của chồng công vợ, đỡ đần nhau. Đó cũng chính là giá trị văn hóa tinh thần to lớn của dân tộc từ quá khứ đến hiện đại.

Thứ ba, bên cạnh các giá trị có sự thay đổi lớn, có thể thấy các giá trị như: bình đẳng, chung thủy, tình nghĩa vợ chồng là những giá trị lớn, là mẫu số chung mà các thế hệ đều khẳng định, hướng tới. Đây là cơ sở để vun đắp hạnh phúc gia đình. Các cơ quan quản lý, hoạch định chính sách cũng cần tiếp tục đề cao nhân rộng các giá trị tốt đẹp này của gia đình.

Thứ tư, các kết quả trên cũng đồng thời là những gợi ý quan trọng trong công tác trị liệu, tham vấn gia đình, hướng các thành viên trong gia đình đến những giá trị chung và thấu hiểu chấp nhận nhau nhiều hơn khi mà mỗi người có công việc, mỗi quan tâm và định hướng giá trị riêng nhằm tránh đi những xung đột trong giá trị sống. Bên cạnh đó, các chính sách về gia đình cũng cần phản ánh đúng thực trạng quan niệm thống nhất và đa dạng trong các giá trị sống hiện nay và đưa ra các giải pháp phù hợp để xây đắp hạnh phúc gia đình với tư cách là tế bào bền vững và quan trọng bậc nhất trong xã hội.

Tài liệu tham khảo

- American Psychological Association (APA). (2015). *Dictionary of psychology*. Second Edition. <http://dx.doi.org/10.1037/14646-000>
- Đào Duy Anh. (2021). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb. Văn học.
- Hofstede, G. (2015). Dimensionalizing Cultures: The Hofstede Model in Context. *Online Readings in Psychology and Culture, International Association for Cross-Cultural Psychology*. <http://dx.doi.org/10.9707/2307-0919.1014>
- Kiernan, K. (2004). Changing European Families: Trends and Issues. In J. Scott, J. Treas, & M. Richards (Eds.). *The blackwell companion to the sociology of families* (pp. 17–33). Blackwell Publishing. <https://doi.org/10.1002/9780470999004.ch2>
- Kobayashi, K.M., and Funk, L. (2010). Of the Family Tree: Congruence on Filial Obligation between Older Parents and Adult Children in Japanese. *Canadian Families Canadian Journal on Aging / La Revue canadienne du vieillissement* 29 (1), 85-96.
- Lê Văn Hào. (2016). Bồn phân và kỳ vọng về hiếu thảo: Cách nhìn nhận hiện nay của thanh niên và người già Hà Nội. *Tạp chí Tâm lý học*. Số 6, 16-28.
- Liu, J.H., SikHung Ng, Weatherall, A., & Loong, C. (2000). Filial piety, acculturation, and intergenerational communication among New Zealand Chinese. *Basic and applied social psychology*. 22(3), 213-223.
- Mai Van Hai. (2017). *Family values of Vietnamese living in Vietnam and Poland*. Doctoral thesis, University of Lodz, Poland.
- Mai Văn Hải. (2022). Giá trị gia đình và các giá trị phổ quát ở nhóm người Việt nhập cư và không nhập cư. *Tạp chí Tâm lý học*. Số 4, 60-74.
- Nguyen, H., Shiu, C., & Hardesty, M. (2016). Extramarital sex among Vietnamese married men: Results of a survey in urban and rural areas of Northern and Southern Vietnam. *Journal of Sex Research*. 53(9), 1065-1081. DOI: 10.1080/00224499.2015.1104287
- Phạm Minh Hạc. (2010). *Giá trị học, Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay*. Nxb. Giáo dục.
- Phạm Việt Long. (2004). *Tục ngữ ca dao về quan hệ gia đình*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Phan Kế Bính. (2021). *Việt Nam phong tục*. Nxb. Văn học.
- Trần Thị An. (2016). Bản sắc xứ Thanh - nhìn từ cội nguồn văn hóa truyền thống. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 4(101), 84-94.
- Yablonska, T., Artyukh, O., and Gorbaniuk, J. (2020). Family values of contemporary Ukrainian youth in across-cultural context. *Roczniki Teologiczne*, Tom LXVII, zeszyt 10 - 2020. DOI: <http://dx.doi.org/10.18290/rt206710-11>
- Zhou, Ch., Yiu, W.Y.V., Wu, M.S., and Greenfield, P.M. (2017). Perception of Cross-Generational Differences in Child Behavior and Parent Socialization: A Mixed-Method Interview Study With Grandmothers in China. *Journal of Cross-Cultural Psychology*. 1-20. DOI: 10.1177/0022022117736029